

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SÔNG ĐÀ 6**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>14 - 36</b>

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400135552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034287 cấp lần đầu ngày 03 tháng 1 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 5 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.22253666
- Fax : 024.22253666

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Sông Đà 6.01	Xã Khoen On, huyện Thanh Uyên, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.03	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Sông Đà 6.04 (*)	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.05	Thôn 2, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Ban điều hành dự án Thủy điện tại Lào	Bản KhanMacNao, Huyện SaNamxay, Tỉnh Attapeu, Lào

(\*) Chi nhánh Sông Đà 6.04 được sáp nhập vào Chi nhánh Sông Đà 6.03 theo Quyết định 101/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty.

**Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:**

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buru điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện;
- Sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước;
- Sản xuất kinh doanh xi măng;
- Vận tải;
- Bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng;
- Sản xuất điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh du lịchữ hành nội địa./.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm</u>
Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Sinh Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2018
Ông Thái Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2019



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### *Ban kiểm soát*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Tứ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Đào	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016
Ông Đỗ Anh Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2020
Ông Ninh Văn Khương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2020

### *Ban Tổng Giám đốc*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Đào Xuân Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Tiến Thủ	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2019
Ông Hà Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2018

### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Xuân Tuấn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017).

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Đào Xuân Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 18 tháng 3 năm 2021

2021  
NH  
Y  
H  
T  
NỘI  
TP.

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số:2.0171/21/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2021, từ trang 7 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

**Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021





# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.070.252.853.603</b>	<b>1.169.654.957.936</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.662.074.968</b>	<b>37.435.021.080</b>
1. Tiền	111		11.662.074.968	7.435.021.080
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>498.908.324.618</b>	<b>549.023.632.245</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	519.285.045.239	562.884.837.712
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.832.698.969	12.074.459.694
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	8.542.864.020	9.743.173.426
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(35.202.691.097)	(35.678.838.587)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.450.407.487	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>559.296.747.787</b>	<b>578.540.876.394</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	559.296.747.787	578.540.876.394
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>385.706.230</b>	<b>4.655.428.217</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		385.706.230	4.655.428.217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>283.264.165.231</b>	<b>294.852.943.130</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>187.340.741.315</b>	<b>176.673.312.164</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	185.934.541.315	176.673.312.164
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.406.200.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.657.683.891</b>	<b>91.223.852.325</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	48.996.740.226	66.104.443.687
<i>Nguyên giá</i>	222		406.823.863.517	428.635.055.354
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(357.827.123.291)	(362.530.611.667)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	30.660.943.665	25.119.408.638
<i>Nguyên giá</i>	225		34.917.277.726	26.073.470.907
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.256.334.061)	(954.062.269)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.719.322.987</b>	<b>1.594.322.987</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	3.602.000.000	3.602.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.882.677.013)	(2.007.677.013)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.546.417.038</b>	<b>25.361.455.654</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	14.546.417.038	25.361.455.654
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.353.517.018.834</b>	<b>1.464.507.901.066</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>896.085.899.224</b>	<b>996.043.588.344</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>884.868.470.358</b>	<b>978.765.161.172</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	160.988.168.737	171.198.590.165
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	112.635.358.709	163.468.587.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	35.299.554.893	29.102.983.151
4. Phải trả người lao động	314		45.024.878.206	42.837.431.172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	3.488.623.901	1.926.667.806
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	129.712.918.472	110.551.072.862
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	393.716.695.737	456.492.414.574
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	4.002.271.703	3.187.413.714
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.217.428.866</b>	<b>17.278.427.172</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	11.217.428.866	17.278.427.172
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>457.431.119.610</b>	<b>468.464.312.722</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>457.431.119.610</b>	<b>468.464.312.722</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.336.985.455	31.336.985.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.802.853.978	76.802.853.978
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.575.170.177	12.608.363.289
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	6.954.322.200
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.575.170.177	5.654.041.089
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.353.517.018.834</b>	<b>1.464.507.901.066</b>

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngân

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đào Xuân Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	637.445.408.094	828.047.388.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	15.787.141.798	7.163.192.076
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	621.658.266.296	820.884.196.675
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	523.980.613.820	714.936.622.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97.677.652.476	105.947.574.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.821.985	41.086.022
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	45.646.914.701	42.172.167.610
Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.211.979.654	39.057.088.526
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	51.684.811.264	61.189.791.629
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		356.748.496	2.626.700.910
11. Thu nhập khác	31	VI.5	4.039.470.842	5.517.715.732
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.043.584.570	914.923.608
13. Lợi nhuận khác	40		1.995.886.272	4.602.792.124
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.352.634.768	7.229.493.034
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	777.464.591	1.575.451.945
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.575.170.177	5.654.041.089
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	45	100
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	45	100

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Đào Xuân Tuấn



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.352.634.768	7.229.493.034
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8;9	21.182.653.978	21.720.498.875
- Các khoản dự phòng	03	VI.3	(125.000.000)	296.575.274
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(2.620.358.971)	(1.924.181.815)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	44.211.979.654	39.057.088.526
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		65.001.909.429	66.379.473.894
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.123.194.007	25.022.141.631
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.244.128.607	24.380.437.085
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(41.756.897.716)	33.528.008.229
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.815.038.616	2.712.450.964
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(44.343.877.381)	(38.422.703.351)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.255.982.414)	(2.149.611.673)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(1.362.022.000)	(1.985.449.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>50.465.491.148</b>	<b>109.464.747.279</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.318.655.000)	(1.261.520.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.689.662.156	1.941.422.537
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.371.007.156</b>	<b>679.901.628</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	557.935.412.132	787.965.308.664
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(625.270.121.704)	(872.971.817.383)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(10.274.734.844)	(5.435.085.226)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(77.609.444.416)</b>	<b>(90.441.593.945)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(25.772.946.112)</b>	<b>19.703.054.962</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>37.435.021.080</b>	<b>17.731.966.118</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.662.074.968</b>	<b>37.435.021.080</b>

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đào Xuân Tuấn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, sản xuất kinh doanh vật tư.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước; xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm này.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm kế toán Công ty có 1.100 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.641 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

##### 3. Các khoản đầu tư tài chính

###### *Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm của CT/HMCT} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối năm của CT/HMCT} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: Giá trị sản lượng dở dang cuối năm được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối năm theo kết quả kiểm kê.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

#### 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm kế toán.

#### 9. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **12. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### **13. Các khoản giảm trừ**

Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là giá trị khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán công trình được phê duyệt, được ghi nhận khi phát sinh giá trị bị cắt giảm.

#### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật và trong một khu vực địa lý là Việt nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự nhau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	329.568.248	1.646.086.265
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.332.506.720	5.788.934.815
Các khoản tương đương tiền (Là tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 1 tháng)	-	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.662.074.968</u></b>	<b><u>37.435.021.080</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu	500.000.000	(200.000.000)	300.000.000	500.000.000	(325.000.000)	175.000.000
Phương Đông Việt Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.000.000.000	(1.682.677.013)	-	3.000.000.000	(1.682.677.013)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000	-	-	102.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.602.000.000</u></b>	<b><u>(1.882.677.013)</u></b>	<b><u>3.602.000.000</u></b>	<b><u>3.602.000.000</u></b>	<b><u>(2.007.677.013)</u></b>	<b><u>1.594.322.987</u></b>

#### *Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

#### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.007.677.013	1.766.343.806
Trích lập dự phòng bổ sung	-	241.333.207
Hoàn nhập dự phòng	(125.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.882.677.013</u></b>	<b><u>2.007.677.013</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>241.619.310.217</b>	<b>248.195.443.614</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	218.563.366.243	231.070.464.870
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	6.341.200.161	14.788.419.429
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xêcamán 1	81.114.212.307	81.314.212.307
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xêcamán 3	32.395.065.507	32.395.065.507
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sê San 4	3.777.474.954	3.777.474.954
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	10.385.523.675	2.996.172.621
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	34.046.369.273	39.846.369.273
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	13.140.951.052	13.847.960.342
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na	6.698.973.516	6.698.973.516
Ban Điều hành Dự án thủy điện Đồng Nai 5	30.663.595.798	35.405.816.921
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	13.465.969.064	15.465.969.064
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	600.707.575	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (*)	32.433.208	32.433.208
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Xí nghiệp 10.7)	1.280.838.395	1.280.838.395
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	105.304.890	105.304.890
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	245.323.947	240.433.187
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	7.325.366.895	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>277.665.735.022</b>	<b>314.689.394.098</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	114.924.598.681	117.524.889.517
Công ty cổ phần Thủy điện Pắc Ma (**)	40.608.776.514	37.656.046.658
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	31.869.225.084
Công ty Cổ phần Long Việt	11.266.904.008	14.274.354.634
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam Á	1.347.130.580	14.717.688.718
Các khách hàng khác	109.518.325.239	98.647.189.487
<b>Cộng</b>	<b>519.285.045.239</b>	<b>562.884.837.712</b>

(\*) Công ty đã bù trừ công nợ phải thu Chi nhánh 901 với công nợ phải trả Văn phòng Công ty Cổ phần Sông Đà 9, số tiền 499.608.792 VND.

#### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>80.828.424.184</b>	<b>80.828.424.184</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	80.828.424.184	80.828.424.184
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	755.104.486	755.104.486
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xêcamán 1	20.735.155.899	20.735.155.899
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xêcamán 3	33.395.839.356	33.395.839.356
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	18.496.717.020	18.496.717.020
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	7.445.607.423	7.445.607.423

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>105.106.117.131</b>	<b>95.844.887.980</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	17.041.144.185	17.041.144.185
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma (**)	32.153.367.637	20.746.937.956
Công ty Cổ phần Long Việt	12.860.537.436	12.860.537.436
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam Á	19.768.743.377	20.896.407.614
Các khách hàng khác	23.282.324.496	24.299.860.789
<b>Cộng</b>	<b>185.934.541.315</b>	<b>176.673.312.164</b>

(\*\*) Khoản phải thu đã được thế chấp cho khoản vay Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16)

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.629.780.001</b>	<b>1.629.780.001</b>
Tổng công ty sông Đà - CTCP	597.380.000	597.380.000
Ông Hồ Sỹ Hùng	1.032.400.001	1.032.400.001
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.913.084.019</b>	<b>8.113.393.425</b>
Tạm ứng	3.384.483.694	4.701.311.188
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	206.865.622	1.175.560.622
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.321.734.703	2.236.521.615
<b>Cộng</b>	<b>8.542.864.020</b>	<b>9.743.173.426</b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Các bên liên quan</b>	<b>32.395.065.507</b>	<b>(32.395.065.507)</b>	<b>32.395.065.507</b>	<b>(32.395.065.507)</b>
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xêcamán 3	32.395.065.507	(32.395.065.507)	32.395.065.507	(32.395.065.507)
<b>Các tổ chức khác</b>	<b>2.807.625.590</b>	<b>(2.807.625.590)</b>	<b>3.283.773.080</b>	<b>(3.283.773.080)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	1.721.596.590	(1.721.596.590)	1.721.596.590	(1.721.596.590)
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	-	-	420.905.423	(420.905.423)
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	-	-	55.242.067	(55.242.067)
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	1.086.029.000	(1.086.029.000)	1.086.029.000	(1.086.029.000)
<b>Cộng</b>	<b>35.202.691.097</b>	<b>(35.202.691.097)</b>	<b>35.678.838.587</b>	<b>(35.678.838.587)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	35.678.838.587	35.623.596.520
Trích lập dự phòng bổ sung	-	127.242.067
Sử dụng dự phòng	(476.147.490)	(72.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.202.691.097</b>	<b>35.678.838.587</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường		-	3.707.610.111	
Nguyên liệu, vật liệu	30.090.001.037		36.698.465.525	
Công cụ, dụng cụ	3.267.517.536		3.537.835.082	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	525.934.622.765		532.013.639.865	
Trong đó:				
<i>Công trình Thủy điện Xekaman - Xan xay</i>	<i>165.814.153.873</i>		<i>163.391.711.949</i>	
<i>Công trình Thủy điện Huội Quang</i>	<i>65.582.019.336</i>		<i>76.850.989.509</i>	
<i>Công trình Thủy điện Đồng Nai 5</i>	<i>37.652.696.335</i>		<i>69.561.039.471</i>	
<i>Các công trình khác</i>	<i>256.885.753.221</i>		<i>221.187.975.321</i>	
Thành phẩm	4.606.449		2.583.325.811	
<b>Cộng</b>	<b>559.296.747.787</b>		<b>578.540.876.394</b>	

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	19.292.803.248	317.109.984.213	92.061.202.621	171.065.272	428.635.055.354
Mua trong năm	-	1.247.575.454	-	-	1.247.575.454
Thanh lý nhượng bán	-	(867.914.717)	(17.224.507.585)	-	(18.092.422.302)
Giảm do thiên tai	-	(4.966.344.989)	-	-	(4.966.344.989)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.292.803.248</b>	<b>312.523.299.961</b>	<b>74.836.695.036</b>	<b>171.065.272</b>	<b>406.823.863.517</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		187.939.448.160	45.532.467.752	171.065.272	233.642.981.184
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	5.158.007.311	278.208.068.034	78.993.471.050	171.065.272	362.530.611.667
Khấu hao trong năm	514.474.752	13.505.321.710	3.860.585.724	-	17.880.382.186
Thanh lý nhượng bán	-	(798.611.532)	(17.224.507.585)	-	(18.023.119.117)
Giảm do thiên tai	-	(4.560.751.445)	-	-	(4.560.751.445)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.672.482.063</b>	<b>286.354.026.767</b>	<b>65.629.549.189</b>	<b>171.065.272</b>	<b>357.827.123.291</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	14.134.795.937	38.901.916.179	13.067.731.571	-	66.104.443.687
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.620.321.185</b>	<b>26.169.273.194</b>	<b>9.207.145.847</b>		<b>48.996.740.226</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 45.608.336.009 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.081.818.182	6.991.652.725	26.073.470.907
Thuê tài chính trong năm	8.843.806.819	-	8.843.806.819
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.925.625.001</b>	<b>6.991.652.725</b>	<b>34.917.277.726</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	735.573.124	218.489.145	954.062.269
Khấu hao trong năm	2.428.315.212	873.956.580	3.302.271.792
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.163.888.336</b>	<b>1.092.445.725</b>	<b>4.256.334.061</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	18.346.245.058	6.773.163.580	25.119.408.638
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.761.736.665</b>	<b>5.899.207.000</b>	<b>30.660.943.665</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ hành chính	1.408.994.875	1.325.399.322
Công cụ dụng cụ sản xuất	10.476.074.340	20.861.655.621
Chi phí di chuyển máy móc thiết bị và lực lượng thi công	172.558.640	1.514.618.285
Phí bảo hiểm xe máy, thiết bị	68.020.357	397.292.753
Chi phí sửa chữa tài sản	240.709.596	633.480.460
Các chi phí khác	2.180.059.230	629.009.213
<b>Cộng</b>	<b>14.546.417.038</b>	<b>25.361.455.654</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>14.963.579.950</b>	<b>16.259.716.243</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP (Cơ quan)	90.107.039	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	12.725.450.478	12.725.450.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-	1.852.977.082
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	136.192.100	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	15.452.450	15.452.450
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Xí nghiệp 10.4)	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.279.794.838	949.253.188
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	16.583.045	16.583.045
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>146.024.588.787</b>	<b>154.938.873.922</b>
Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Trung Tín	10.139.671.346	11.090.628.499
Công ty TNHH MTV Thanh Lâm Tây Bắc	-	13.585.967.495
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Ngân	9.730.319.543	9.148.059.535
Phải trả các nhà cung cấp khác	126.154.597.898	121.114.218.393
<b>Cộng</b>	<b>160.988.168.737</b>	<b>171.198.590.165</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>15.443.008.891</i>	<i>19.214.432.792</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	12.319.161.342	19.214.432.792
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	3.123.847.549	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>97.192.349.818</i>	<i>144.254.154.936</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma	-	63.271.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Cùn	19.082.338.972	30.015.931.800
Công ty Cổ phần Năng Lượng AGRITA - Quảng Nam	6.974.317.902	21.962.734.018
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam á	-	19.158.228.973
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	24.170.422.592	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Hưng Lộc Phát	21.465.270.352	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Mekong	25.000.000.000	-
Các khách hàng khác	500.000.000	9.846.260.145
<b>Cộng</b>	<b><u>112.635.358.709</u></b>	<b><u>163.468.587.728</u></b>

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	26.009.744.061	17.608.069.448	(10.971.904.767)	32.645.908.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.081.423.988	540.088.236	(1.255.982.414)	1.365.529.810
Thuế thu nhập cá nhân	758.454.302	549.446.040	(273.144.801)	1.034.755.541
Thuế tài nguyên	201.537.000	-	-	201.537.000
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	51.823.800	-	-	51.823.800
<b>Cộng</b>	<b><u>29.102.983.151</u></b>	<b><u>18.706.603.724</u></b>	<b><u>(12.510.031.982)</u></b>	<b><u>35.299.554.893</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.352.634.768	7.229.493.034
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.534.688.191	647.766.689
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.534.688.191	647.766.689
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.887.322.959	7.877.259.723
Thu nhập tính thuế	3.887.322.959	7.877.259.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>777.464.591</b>	<b>1.575.451.945</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>777.464.591</b>	<b>1.575.451.945</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước CHDCND Lào</b>	<b>(237.376.355)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>540.088.236</b>	<b>1.575.451.945</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	502.487.448	634.385.175
Chi phí thầu phụ	2.173.018.767	1.277.282.631
Các chi phí khác	813.117.686	15.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.488.623.901</b>	<b>1.926.667.806</b>

#### 14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>207.398.616</b>	<b>207.398.616</b>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	30.659.300	30.659.300
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	106.514.328	106.514.328
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	70.224.988	70.224.988
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>129.505.519.856</b>	<b>110.343.674.246</b>
Kinh phí công đoàn	2.447.717.911	1.923.217.742
Bảo hiểm xã hội BHYT, BHTN	10.158.974.644	3.766.131.477
Liên danh CMC/ITD/SongDa	7.413.913.842	7.413.913.842
Cổ tức phải trả	97.402.326.459	87.268.577.070
Quỹ sông Đà	2.515.166.795	3.316.214.496
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.567.420.205	6.655.619.619
<b>Cộng</b>	<b>129.712.918.472</b>	<b>110.551.072.862</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15. Vay ngắn hạn/dài hạn

##### 15a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>356.976.791.641</b>	<b>449.616.790.610</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành <sup>(i)</sup>	96.209.322.345	142.327.899.604
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(ii)</sup>	152.576.886.891	180.308.259.010
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội <sup>(iii)</sup>	50.622.190.090	63.836.124.301
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào Cai <sup>(iv)</sup>	57.568.392.315	63.144.507.695
<b>Vay ngắn hạn các cá nhân</b>	<b>27.180.654.096</b>	<b>-</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)</b>	<b>1.578.000.000</b>	<b>1.853.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	-	275.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	1.578.000.000	1.578.000.000
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)</b>	<b>7.981.250.000</b>	<b>5.022.623.964</b>
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust	4.054.886.360	3.686.260.328
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	1.470.000.000	1.336.363.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên quốc tế CHAILEA	2.456.363.640	-
<b>Cộng</b>	<b>393.716.695.737</b>	<b>456.492.414.574</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay hạn mức để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay là 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Lào Cai Hợp theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công bê tông thuộc dự án công trình thủy điện Pắc Ma với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện Pắc Ma giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	449.616.790.610		1.853.000.000	5.022.623.964	456.492.414.574
Số tiền vay phát sinh trong năm	496.837.979.478	59.897.372.000	-	-	556.735.351.478
Lãi vay nhập gốc		1.200.060.654	-	-	1.200.060.654
Số tiền vay đã trả trong năm	(589.477.978.447)	(33.916.778.558)	(1.853.000.000)	(5.391.249.996)	(630.639.007.001)
Số kết chuyển	-	-	1.578.000.000	8.349.876.032	9.927.876.032
<b>Cộng</b>	<b>356.976.791.641</b>	<b>27.180.654.096</b>	<b>1.578.000.000</b>	<b>7.981.250.000</b>	<b>393.716.695.737</b>

**15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>372.135.301</b>	<b>1.972.500.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội <sup>(v)</sup>	372.135.301	1.972.500.000
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>10.845.293.565</b>	<b>15.305.927.172</b>
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust <sup>(vi)</sup>	7.096.051.144	11.519.563.536
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài gòn Thương tín <sup>(vii)</sup>	2.316.363.640	3.786.363.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên quốc tế CHAILEA <sup>(viii)</sup>	1.432.878.781	
<b>Cộng</b>	<b>11.217.428.866</b>	<b>17.278.427.172</b>

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư tài sản cố định với lãi suất, thời hạn theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.

(vi) Hợp đồng thuê tài chính số 2179000098/HDCTTC ngày 30 tháng 5 năm 2019 thời hạn 48 tháng thuê các tài sản phục vụ việc khai thác mỏ đá và các công trình xây dựng.

(vii) Hợp đồng thuê tài chính số SBL 0202201910002 ngày 11 tháng 10 năm 2019 thời hạn 48 tháng lãi suất 9,5%/năm, thuê ô tô tải Ben nhãn hiệu Maz, Model 6501B3-420-710P1.

(viii) Hợp đồng thuê tài chính số B20021615 ngày 20 tháng 01 năm 2020, thời hạn 30 tháng lãi suất 8,5 %/năm, thuê các tài sản máy móc thiết bị với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	9.559.250.000	6.981.123.964
Trên 1 năm đến 5 năm	11.217.428.866	17.278.427.172
<b>Cộng</b>	<b>20.776.678.866</b>	<b>24.259.551.136</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	1.972.500.000	15.305.927.172	17.278.427.172
Số tiền vay phát sinh	-	8.772.727.273	8.772.727.273
Số tiền vay đã trả	(22.364.699)	(4.883.484.848)	(4.905.849.547)
Số kết chuyển	(1.578.000.000)	(8.349.876.032)	(9.927.876.032)
<b>Số cuối năm</b>	<b>372.135.301</b>	<b>10.845.293.565</b>	<b>11.217.428.866</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	3.187.413.714	3.097.862.155
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.176.879.989	2.075.001.059
Chi quỹ	(1.362.022.000)	(1.985.449.500)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.002.271.703</b>	<b>3.187.413.714</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số cuối năm
Số đầu năm	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	9.029.323.259	464.885.272.692
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	5.654.041.089	5.654.041.089
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.075.001.059)	(2.075.001.059)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>347.716.110.000</b>	<b>31.336.985.455</b>	<b>76.802.853.978</b>	<b>12.608.363.289</b>	<b>468.464.312.722</b>
Số đầu năm	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	12.608.363.289	468.464.312.722
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.575.170.177	1.575.170.177
Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.176.879.989)	(2.176.879.989)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.431.483.300)	(10.431.483.300)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>347.716.110.000</b>	<b>31.336.985.455</b>	<b>76.802.853.978</b>	<b>1.575.170.177</b>	<b>457.431.119.610</b>

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà	226.015.400.000	226.015.400.000
Cổ đông khác	121.700.710.000	121.700.710.000
<b>Cộng</b>	<b>347.716.110.000</b>	<b>347.716.110.000</b>

**17c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.771.611	34.771.611
- Cổ phiếu phổ thông	34.771.611	34.771.611

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức (3%)	: 10.431.483.300
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 2.176.879.989

#### 17e. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.280,77 USD (số đầu năm là 251,6 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vật tư	4.492.253.039	20.076.209.474
Doanh thu bán thành phẩm	49.221.088.984	101.999.154.371
Doanh thu hợp đồng xây dựng	578.060.478.746	703.180.857.979
Doanh thu khác	5.671.587.325	2.791.166.927
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>637.445.408.094</b>	<b>828.047.388.751</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	15.787.141.798	7.163.192.076
Là khoản bị cắt giảm khi quyết toán công trình		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>621.658.266.296</b>	<b>820.884.196.675</b>

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng công ty Sông Đà - CTCP</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	34.834.260.172	39.729.121.465
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		59.852.609
<b>Công ty cổ phần Sông Đà 4</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	211.354.609	
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.555.659.048	

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của vật tư đã bán	3.680.129.883	17.923.897.749
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.420.233.501	86.477.367.840
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	480.604.854.151	607.830.468.149
Giá vốn khác	1.275.396.285	2.704.888.810
<b>Cộng</b>	<b>523.980.613.820</b>	<b>714.936.622.548</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	44.211.979.654	39.057.088.526
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(125.000.000)	241.333.207
Chi phí tài chính khác	1.559.935.047	2.873.745.877
<b>Cộng</b>	<b><u>45.646.914.701</u></b>	<b><u>42.172.167.610</u></b>

#### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	39.093.578.545	44.356.339.990
Chi phí vật liệu quản lý	1.589.047.196	2.090.105.868
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.599.154.021	1.545.452.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	764.536.787	970.476.571
Thuế, phí và lệ phí	124.527.136	136.028.421
Dự phòng phải thu khó đòi	-	127.242.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.354.141.724	3.830.844.077
Các chi phí khác	5.159.825.855	8.133.302.492
<b>Cộng</b>	<b><u>51.684.811.264</u></b>	<b><u>61.189.791.629</u></b>

#### 5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.737.909.090	1.924.181.815
Tiền bồi thường nhận được	111.495.439	127.100.822
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	207.384.302	3.037.633.319
Nhượng bán vật tư, công cụ dụng cụ	620.573.636	134.624.546
Thu nhập khác	362.108.375	294.175.230
<b>Cộng</b>	<b><u>4.039.470.842</u></b>	<b><u>5.517.715.732</u></b>

#### 6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp BHXH	571.468.348	-
Tổn thất tài sản do thiên tai	946.039.110	-
Chi phí thanh lý tài sản	48.246.934	26.650.048
Phạt do vi phạm hành chính	-	30.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	270.226.017	617.766.689
Chi phí khác	207.604.161	240.506.871
<b>Cộng</b>	<b><u>2.043.584.570</u></b>	<b><u>914.923.608</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Lãi trên cổ phiếu

##### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.575.170.177	5.654.041.089
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(2.176.879.989)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.176.879.989)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.575.170.177	3.477.161.100
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.771.611	34.771.611
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>45</b>	<b>100</b>

##### 7b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2020, làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 163 VND xuống còn 100 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.183.921.205	629.998.798.761
Chi phí nhân công	160.498.694.716	220.220.707.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.182.653.978	21.720.498.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.395.832.381	81.913.306.205
Chi phí khác	66.645.175.821	35.062.367.169
<b>Cộng</b>	<b>565.906.278.101</b>	<b>988.915.678.882</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>				
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	61.200.000	61.200.000
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	40.800.000	40.800.000
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	370.226.262	-	370.226.262
Ông Nguyễn Sinh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị	-	40.800.000	40.800.000
Ông Thái Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị	-	40.800.000	40.800.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>				
Ông Lê Tiến Thủ	Phó Tổng Giám đốc	302.673.748	-	302.673.748
Ông Hà Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	315.730.831	-	315.730.831
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	302.673.748	-	302.673.748
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	302.673.748	-	302.673.748
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Ông Nguyễn Đình Tứ	Trưởng ban	216.847.364	-	216.847.364
Ông Nguyễn Anh Đào	Thành viên	-	20.400.000	20.400.000
Ông Đỗ Anh Thái	Thành viên	-	10.200.000	10.200.000
Ông Ninh Văn Khương	Thành viên	-	10.200.000	10.200.000
<b>Cộng</b>		<b>1.810.825.701</b>	<b>224.400.000</b>	<b>2.035.225.701</b>
<b>Năm trước</b>				
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	91.800.000	91.800.000
Ông Hồ Sỹ Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	59.670.000	59.670.000
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	387.180.747	46.410.000	433.590.747
Ông Nguyễn Sinh Thảo	Thành viên Hội đồng quản trị	-	79.560.000	79.560.000
Ông Thái Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị	-	33.150.000	33.150.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>				
Ông Lê Tiến Thủ	Phó Tổng Giám đốc	318.159.951	-	318.159.951
Ông Hà Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	318.159.951	-	318.159.951
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	318.159.951	-	318.159.951
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	310.291.025	-	310.291.025
<b>Ban Kiểm soát</b>				
Ông Nguyễn Đình Tứ	Trưởng Ban Kiểm soát	230.311.769	-	230.311.769
Ông Nguyễn Anh Đào	Kiểm soát viên	-	46.920.000	46.920.000
Ông Ninh Văn Khương	Kiểm soát viên	-	46.920.000	46.920.000
<b>Cộng</b>		<b>1.882.263.394</b>	<b>404.430.000</b>	<b>2.286.693.394</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng công ty Sông Đà - CTCP</b>		
Sử dụng dịch vụ		586.464.144
Phí bảo lãnh		706.460.145
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</b>		
Chi phí thí nghiệm		765.132.386
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Sông Đà 4.09</b>		
Sử dụng dịch vụ	579.391.680	
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 5</b>		
Giảm trừ khối lượng	123.811.000	
<b>Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1</b>		
Sử dụng dịch vụ	15.075.495	

#### *Công nợ các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.11, V.12 và V.15.





## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Tổng Giám đốc



Đào Xuân Tuấn